

**QUYẾT ĐỊNH**

**Mức thu học phí đào tạo ngành trình độ Trung cấp năm học 2026 - 2027**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP HÀ TĨNH**

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2303/QĐ-SGDDĐT ngày 31/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2610/QĐ-UBND ngày 09/11/2006 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 30/06/2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc đổi tên, quy định cơ cấu tổ chức của Trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 478/QĐ-TrTCN ngày 28/04/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh;

Căn cứ Thông báo số 938/TB-TrTCHT ngày 04/08/2026 của Trường Trung cấp Hà Tĩnh Thông báo Kết luận Hội nghị giao ban tháng 8 năm 2026;

Theo đề nghị của Phòng Đào tạo-Quản sinh, Phòng Hành chính -Tổng hợp.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Mức thu học phí đào tạo ngành trình độ Trung cấp năm học 2026 - 2027**

*Đvt: đồng/tháng*

| TT | Ngành đào tạo                           | Học phí/tháng | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------|---------------|---------|
| 1  | Vận hành máy thi công nền               | 2.400.000     |         |
| 2  | Vận hành cần, cầu trục                  | 2.400.000     |         |
| 3  | Công nghệ thông tin                     | 2.400.000     |         |
| 4  | Công nghệ ô tô                          | 2.400.000     |         |
| 5  | Điện Công nghiệp                        | 2.400.000     |         |
| 6  | Hàn                                     | 2.400.000     |         |
| 7  | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 2.400.000     |         |
| 8  | Chăm sóc sắc đẹp                        | 2.000.000     |         |
| 9  | Kỹ thuật chế biến món ăn                | 2.000.000     |         |
| 10 | Nghiep vụ nhà hàng                      | 2.000.000     |         |



|    |                  |           |  |
|----|------------------|-----------|--|
| 11 | Công nghệ may    | 2.300.000 |  |
| 12 | Bảo vệ thực vật  | 1.650.000 |  |
| 13 | Chăn nuôi thú y  | 1.650.000 |  |
| 14 | Tiếng Trung Quốc | 1.600.000 |  |

## **Điều 2. Chế độ miễn, giảm học phí.**

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các quy định hiện hành.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện.**

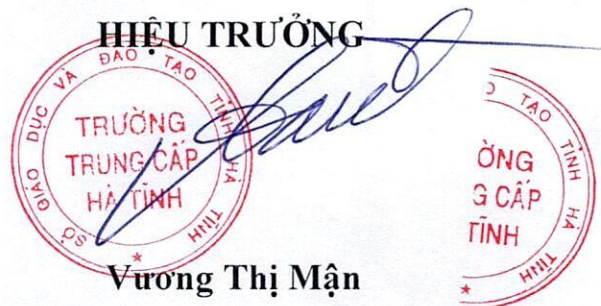
Trường/phó các khoa giáo dục nghề nghiệp trong Nhà trường chịu trách nhiệm trước Ban giám hiệu Nhà trường về tiến độ thu học phí của học sinh do đơn vị mình đào tạo.

Nghiêm cấm mọi cá nhân, tập thể trong Nhà trường tự đặt ra khoản thu trái quy định.

Các ông (bà) Phó hiệu trưởng; Trưởng, phụ trách, phó các phòng, khoa, trung tâm, cá nhân và học viên có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *ec*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở GDĐT;
- Sở Tài chính; } Đề b/c
- Giáo viên, học sinh;
- Website Trường;
- Lưu VT.



**Vương Thị Mận**